

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01679

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ lưu chất (207202) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD401

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (6%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12137001	ĐỖ HOÀNG	AI	DH12NL	1	Ai	9	6	5.75	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	12344002	HỒ VIỆT	AN	CD12CI	1	an	7	6.5	5.75	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	12344005	LÊ TRƯỜNG	AN	CD12CI	1	Nguyen	7	6	3.25	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10154055	VƯƠNG THÀNH	AN	DH10OT	1	h	9	7	5.75	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10344093	NGUYỄN MINH	ÂN	CD10CI	1	h	5	5.5	8.25	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10138055	NGUYỄN LÊ	BẢNG	DH10TD	1	h	7	7.5	5.75	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	12344164	ĐẶNG MINH	CHÂU	CD12CI	1	Chau	9	1.5	3.25	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	12344193	NGUYỄN HẢI	CHỈ	CD12CI	1	Chau	7	7.5	3.75	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	12118015	NGUYỄN HỮU	CHIÊN	DH12CC	1	h	9	6	6.5	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	12344022	NGUYỄN HOÀNG	CÔNG	CD12CI	1	h	9	7.5	3.75	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	11154004	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH11OT	1	Chau	9	8	4.5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	12344023	HÀ VĂN	CƯỜNG	CD12CI	1	h	7	6.5	3	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	11154024	LÊ PHÚC	CƯỜNG	DH11OT	1	Chau	9	7	10	9.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	12344030	TRẦN ANH	DỪNG	CD12CI	1	h	9	6	5.75	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	12344012	ĐÀO CÔNG	DUY	CD12CI	1	h	9	8.5	9.75	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	12344140	LƯƠNG VĂN	DUY	CD12CI	1	h	9	7.5	5.25	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	12344028	NGUYỄN LÊ NHẬT	DUY	CD12CI	1	h	8	8.5	5.75	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	12344163	VĂN VĂN	DƯ	CD12CI	1	h	8	6	3.5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 28; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

TS. Bùi Ngọc Hùng
TS. Lê Văn Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TS. Bùi Ngọc Hùng

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 20; Số từ: 27
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thứ: Điểm thi cuối kỳ
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

Được Lê Văn Tròn

T8. Bùi Ngọc Hùng

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01680

Trang 1/1

Môn Học : Cơ lưu chất (207202) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD501

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12344039	NGUYỄN QUANG ĐỨC	CD12CI			9	7	6.5	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344040	TRẦN VIỆT	CD12CI			6	5.5	4	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118002	BÙI VĂN	DH12CC			9	6	5.75	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154051	TRỊNH XUÂN	DH11OT			7	6.5	6.25	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154065	LÝ MINH	DH10OT			7	9.5	6.5	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153011	NGUYỄN PHƯỚC	DH10CD			6	9.5	1.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138020	MAI PHẠM MINH	DH12TD			7	5.5	2.75	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154012	PHẠM TRUNG	DH10OT			9	0	9.5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344169	LÊ MINH	CD12CI			9	6	9	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153007	UNG MINH	DH11CD			9	3.5	7	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344055	NGUYỄN ĐẮC	CD12CI			9	7	5.75	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344195	TRỊNH VĂN	CD12CI			9	9			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154035	LÊ HUY	DH11OT			9	6	10	9.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344187	HỒ TRẦN	CD12CI			9	6.5	6.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	08118023	MAI NHẬT	DH08CK			9	9.5	8.5	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118109	VŨ NHƯ	DH12CC			7	3.5	4.75	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11137006	TRẦN VĂN	DH11CC			4	5.5	5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344094	HUỖNH DUY	CD12CI			9	3	6.25	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Hằng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01680

Trang 2/1

Môn Học : Cơ lưu chất (207202) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD501

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10154018	VƯƠNG NHẬT KHÔI	DH10OT		<i>Khôi</i>	9	9.5	8.25	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344198	CAI TRUNG KIẾT	CD12CI		<i>Kết</i>	9	6.5	6.75	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344067	TRỊNH CAO KỲ	CD12CI		<i>Kỳ</i>	9	8	5.25	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344068	TRẦN VĂN LAI	CD12CI		<i>Lai</i>	9	7	4.75	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12137007	VŨ ĐÌNH LỊCH	DH12NL		<i>Lịch</i>	9	6.5	5.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344075	TRẦN XUÂN LIÊN	CD12CI		<i>Liên</i>	9	6.5	5.25	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344014	NGUYỄN VŨ LĨNH	CD12CI		<i>Linh</i>	9	4	5.75	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10138049	ĐÌNH NGỌC LĨNH	DH10TD		<i>Linh</i>	7	7.5	7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118046	NGUYỄN LONG	DH12CC		<i>Long</i>	9	8	4.25	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344078	TRẦN ĐỨC LONG	CD12CI		<i>Long</i>	7	6.5	7.75	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2.

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Hồng Diệp
Nguyễn Thị Hồng Diệp

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01681

Trang 1/1

Môn Học : Cơ lưu chấ (207202) - Số Tín Chê 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD502

Nhóm Thi : Nhóm 01 - T6 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (Đ1)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12344047	TRƯƠNG HOÀI LONG	CD12CI			8	8	6.75	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344077	LÊ THÀNH LỘC	CD12CI			9	5	6	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344027	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI			6	6.5	4	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344082	LÊ VĂN LUYỆN	CD12CI			8	5	4.75	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154022	NGUYỄN VĂN LỤC	DH10OT			9	7	7.75	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344127	VÕ TÁ MANH	CD12CI			7	7.5	4.75	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL			9	7.5	5.75	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154010	NÔNG TRỌNG NGHĨA	DH11OT			9	7	7.75	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344172	TRỊNH HỮU NGHĨA	CD12CI			9	7.5	5.25	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154028	LÊ ANH NGUYỄN	DH11OT			9	8.5	8	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344118	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	CD12CI			9	8	2.75	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10119010	PHAN THANH NHÂN	DH10CC			9	8.5	6.75	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12118068	VÕ VĂN NHÂN	DH12CC			9	10	6.5	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115098	ĐÀO HỒNG NHIÊN	DH12CB			7	5	5.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHON	DH11CD			9	6	6.5	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154029	NGUYỄN VŨ AN NINH	DH10OT			7	9.5	8.75	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344100	PHẠM QUỲNH NINH	CD12CI			8	7.5	5.75	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154047	NGUYỄN LÊ DUY PHÁT	DH11OT			7	7	6.75	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01681

Trang 2/1

Môn Học : Cơ lưu chấ (207202) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD502

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12344103	PHAM VĂN PHÁT	CD12CI		<i>Phát</i>	9	5	6.25	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344101	LÊ HỒNG PHONG	CD12CI		<i>Phong</i>	9	7.5	6.25	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344185	NGUYỄN THANH PHONG	CD12CI		<i>Phong</i>	6	6.5	4.25	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344105	BÙI VĂN PHÚ	CD12CI		<i>Phú</i>	9	5.5	6.25	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154194	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH120T		<i>Phúc</i>	9	8.5	9.25	9.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344107	NGUYỄN LỘC PHÚC	CD12CI		<i>Phúc</i>	8	8	4.75	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10137009	LÊ THẾ QUAN	DH10NL		<i>Quan</i>	7	9.5	9.25	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154015	THÔNG PHỐ SÂU	DH110T		<i>Sâu</i>	9	7	8.25	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	09154037	TRẦN DÌNH SƠN	DH090T			5				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344191	HÀ TÂN TÀI	CD12CI		<i>Tài</i>	9	7	4.75	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thanh Phong
Lê Bá Xìc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01682

Trang 1/1

Môn Học : Cơ lưu chấ (207202) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD503

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 40%	Đ2 40%	Điểm thi 20%	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12344046	HOÀNG XUÂN TÀI	CD12CI			8	7	5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11154043	TRẦN ĐỨC TÀI	DH11OT			7	6.5	3.75	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344197	NGUYỄN THÀNH TÂM	CD12CI			9	9.5	4.25	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344194	TRẦN NGUYỄN MINH TÂM	CD12CI			9	6.5	8.25	9.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344114	TRẦN PHẠM THANH TÂN	CD12CI			7	8	6.75	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344175	PHẠM NGỌC TÂN	CD12CI			9	6.5	4.25	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344116	ĐỖ VĂN THANH	CD12CI			7	9	6	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT			9	6	7.25	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD			5	6.5	3.75	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL			9	8	8	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154048	BÙI MINH THIÊN	DH11OT			9	8	10	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC			9	6	6	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344126	VÕ THƠM	CD12CI			7	7.5	6.75	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344135	NGUYỄN LỘC THUẬN	CD12CI			8	3	6.25	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344168	NGUYỄN VĂN THUẬN	CD12CI			7	7.5	8.25	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344128	VÕ MINH THUẬN	CD12CI			8	4.5	4.75	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344069	TRẦN QUỐC THƯƠNG	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344134	ĐÀO MINH TỈNH	CD12CI			9	7	6.5	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 36; Số tờ: 46

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Kieu V Huie

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01682

Trang 2/1

Môn Học : Cơ lưu chất (207202) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi RD503

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12137058	NGÔ HỮU	TOÀN	DH12NL		9	8	9.75	9.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344181	VĂN ĐỨC	TOÀN	CD12CI		5	6.5	7.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344183	NGUYỄN VĂN	TRẦM	CD12CI		6	7.5	8.25	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10154050	HUYỀN CÔNG	TRÍ	DH10OT		9	7	9	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09154048	DƯƠNG VĂN	TRUNG	DH09OT		9	5	8.25	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344137	LÊ HIẾU	TRUNG	CD12CI		8	7.5	7.75	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344139	NGUYỄN BÁ	TRUNG	CD12CI		9	4	4	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154052	PHAN THANH	TRUNG	DH11OT		9	6	6.5	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344148	TRẦN MINH	TÚ	CD12CI		9	7	6.25	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344152	VƯƠNG NHƯ	TÚ	CD12CI		7	2	4.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344144	LOAN THANH	TUẦN	CD12CI		9	4.5	8.25	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344052	PHAM CHÍ	TUẦN	CD12CI		8	8.5	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10154084	TRỊNH VĂN	TUẦN	DH10OT		9	9.5	7.75	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10154098	NGUYỄN TIẾN	TÙNG	DH10OT		9	9.5	9.75	9.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344149	HOÀNG DUY LINH	TUYẾN	CD12CI		8	5	8.25	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10153053	NGUYỄN THIÊN	TỬ	DH10CD		7	7	6.25	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12344151	TRẦN MANH	TƯỞNG	CD12CI		8	6.5	6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12344085	HỒ TRẦN	VŨ	CD12CI		9	7.5	6.75	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 36; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Giáp Văn Giáp

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TS. Bùi Ngọc Hùng

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 1

Số bài: 36 : Số tờ: 36

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01700

Trang 1/1

Môn Học : Máy gieo trồng (207306) - Số Tín Chỉ : 3

Ngày Thi : 14/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD203

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10118016	ĐÀNG HOÀNG DIỆU	DH10CK	1		1,7	0,3	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10118001	NGUYỄN MINH HẢI	DH10CK	1		1,6	0,7	6,2	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09118009	TRẦN DUY KHƯƠNG	DH09CK	1		1,6	0,5	4,9	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10118017	NGUYỄN THỊ VY	DH10CK	1		1,7	0,6	4,7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08118013	NGÔ VĂN NGHĨA	DH08CK	1		0	0,5	2,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10118008	BÙI CÔNG NHẬT	DH10CK	1		1,7	0,8	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10118004	LÊ KHÔI QUÍ	DH10CK	1		1,8	0,6	6,6	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10118009	TRẦN VĂN SANG	DH10CK	1		1,1	0,3	2,6	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10118010	TRẦN VĂN NHẬT TÀI	DH10CK	1		1,5	0,7	4,8	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10118013	PHAN DUY TÂN	DH10CK	1		0,7	0,6	3,2	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	08118015	LƯƠNG HOÀNG THÁI	DH08CK	1		0,3	0,6	2,6	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09118016	ĐÀO NHẬT THÀNH	DH09CK	✓						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10118005	ĐINH CHIẾN THẮNG	DH10CK	1		1,5	0,3	4,2	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 12; Số tờ: 12

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01740

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : An toàn lao động & MT CN (207701) - Số Tín Chỉ : 2

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD503

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11153006	HUỖNH VŨ AN	DH11CD	1	<i>Quoc</i>	0,8	1,8	3,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153029	CHÂU THÁI	DH12CD	1	<i>Phuc</i>	0,6	0,7	1,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153033	NGUYỄN TIÊU BÌNH	DH12CD	1	<i>SL</i>	0,7	1,6	2,8	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11153012	BÙI THÁI CHÍNH	DH11CD	1	<i>Chuc</i>	0,7	0,7	1,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154057	VŨ THÀNH CÔNG	DH10OT	1	<i>Quoc</i>	0,5	0,9	1,4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD	1	<i>Phuc</i>	0,7	1,3	1,1	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153003	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	DH10CD	1	<i>SL</i>	0,6	1,8	5,1	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153018	ĐÌNH PHÚC ĐẠI	DH11CD	1	<i>SL</i>	0,7	1,4	1,4	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154075	NGUYỄN TẤT ĐẠT	DH12OT	1	<i>SL</i>	0,8	0,7	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD	1	<i>Quoc</i>	0,9	1,1	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11CD	1	<i>Quoc</i>	1,0	1,6	2,4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154008	HÀ XUÂN ĐƯƠNG	DH10OT	1	<i>Quoc</i>	0	0	1,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154229	HỒ VĂN HIỂN	DH12OT	1	<i>SL</i>	0,6	0,8	2,6	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD	1	<i>SL</i>	0,9	1,8	3,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153007	UNG MINH HOAN	DH11CD	1	<i>SL</i>	0,6	1,2	1,4	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11138008	HỒ VĂN HƯNG	DH11CD	1	<i>SL</i>	0,6	0,4	1,1	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC	1	<i>SL</i>	0,5	0	1,4	1,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153097	TRƯƠNG NHỊ LÂM	DH12CD	1	<i>SL</i>	0,8	0	0,5	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Văn Khanh
Nguyễn Văn Hòa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

SL
Nguyễn Văn Hòa

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Văn Khanh
SL

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Trần Văn Khanh
ĐH Hà

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01741

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : An toàn lao động & MT CN (207701) - Số Tin Chỉ : 2

Ngày Thi : 17/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD504

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12153067	PHÙNG THÁI NHÂN	DH12CD		<i>Phùng Thái Nhân</i>	0,8	1,6	2,6	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHON	DH11CD		<i>Nhơn</i>	0,8	0,9	1,8	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD		<i>Phát</i>	1,0	1,6	4,4	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	08153034	LÊ HỒNG PHONG	DH08CD		<i>Phong</i>	0,5	0	1,8	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153120	MAI TUẤN PHONG	DH12CD		<i>Phong</i>	0,6	0	3,0	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD		<i>Phương</i>	0,7	0,8	0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153125	ĐỖ BÁ QUANG	DH12CD		<i>Quang</i>	0,6	1,2	3,2	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD		<i>Phú</i>	0,6	0	4,4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153032	PHAN VĂN SÁNG	DH10CD		<i>Sáng</i>	0,8	1,5	4,7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154083	LÊ THANH TÂM	DH12OT		<i>Thanh Tâm</i>	0,7	1,8	6,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD		<i>Tâm</i>	0,8	1,4	6,3	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153032	PHẠM CÔNG TÂN	DH11CD		<i>Tân</i>	0,8	1,3	4,9	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD		<i>Thanh</i>	0,8	1,0	4,2	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153037	PHAN HIỀN THẢO	DH11CD		<i>Hiền Thảo</i>	0,7	1,9	4,9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD		<i>Thịnh</i>	0,4	1,6	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153146	NGUYỄN LÝ THỜI	DH12CD		<i>Thời</i>	0,7	0	2,5	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11CD		<i>Thông</i>	0,3	1,5	4,2	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153028	HUỲNH NGỌC TIẾN	DH11CD		<i>Tiến</i>	0,8	1,6	4,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ;

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

N.T.H. Diệp
N.T.H. Diệp

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Khắc Dũng

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Văn Khanh
Danh

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Trang 2/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

Trần Văn Khanh
Khanh

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01753

Trang 1/1

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thiết bị biên nghi trên Ôtô (207720) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD401

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	D1 (2.0%)	D2 (2.0%)	Điểm thi (5.0%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154056	TRẦN NGỌC AI	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.4	3.6	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154003	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.2	3.9	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154066	NGUYỄN VĂN CA	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.0	3.6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154075	LÊ VĂN CHIẾN	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.6	3.0	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154058	ĐÀU VĂN CÔNG	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.0	4.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154006	PHẠM DUY ĐĂNG	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.6	3.6	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154069	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.4	3.9	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154070	DƯƠNG MINH HỌP	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.0	3.6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154015	HỒ XUÂN HÙNG	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.0	3.9	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154019	NGUYỄN KỶ LÂN	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.4	4.8	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154097	HUỖNH THANH LONG	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.6	5.7	9.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154021	NGUYỄN THÀNH LUÂN	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.8	3.3	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154022	NGUYỄN VĂN LỰC	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.0	3.6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154023	THẠCH MÃN	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.0	5.1	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154077	NGUYỄN ẬU VĂN NAM	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	0.8	3.6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154071	NGUYỄN KHOA NAM	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.2	3.9	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154027	PHAN XUÂN NHẬT	DH100T	1	<i>[Signature]</i>	2.0	1.0	3.3	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 17 : Số tờ:

Lưu ý: D1, D2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, D1,D2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Ngày 24 tháng 2 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01754

Trang 1/1

Môn Học : Thời bị tiền nghỉ trên Ôô (207720) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 09/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD402

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10154069	THÁI SINH NHẬT	DH100T			2.0	1.0	2.7	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154028	TRẦN VĂN NHƯ	DH100T			2.0	1.2	4.8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154030	TRẦN VĂN QUANG	DH100T			2.0	1.0	3.9	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154031	NGUYỄN VĂN QUÍ	DH100T			2.0	1.2	3.9	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154081	MAI HÀ SANG	DH100T			2.0	1.6	5.1	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154091	NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC SANH	DH100T			2.0	1.2	5.1	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154033	ĐẶNG VĂN SIL	DH100T			2.0	1.4	3.3	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG SON	DH100T			2.0	1.2	3.9	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154039	VĂN TIẾN THÀNH	DH100T			2.0	1.0	3.6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154044	LÊ TRƯỜNG TRƯỜNG	DH100T			2.0	1.4	3.9	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10154045	VŨ CÔNG THUẬN	DH100T			2.0	0.8	3.9	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154047	NGUYỄN VĂN TİM	DH100T			2.0	1.2	4.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154048	ĐẶNG VĂN TOÀN	DH100T			2.0	1.2	3.9	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154050	HUỖNH CÔNG TRÍ	DH100T			2.0	1.6	3.6	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154051	TRƯƠNG TRẦN HIẾU	DH100T			2.0	1.2	5.1	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154072	TRẦN QUỐC VINH	DH100T			2.0	0.8	4.2	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154054	PHAN TRUNG YẾN	DH100T			2.0	1.0	3.9	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 17; Số tờ: 17

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Hoàng Văn Công Hoàng
Phạm Minh Việt

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Nguyễn Đình Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Hồng Xuân

Ngày 24 tháng 2 năm 2014